

Số: 02/2021/QĐST-DS

*Y, ngày 02 tháng 08 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 07 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ L số: 01/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

Nguyên đơn: Ngân hàng V; địa chỉ số 1, phường 2, quận Đ, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông D là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Người đại diện theo uỷ quyền lại: Anh Bùi A; là chuyên viên xử L nợ.

Bị đơn: Vợ chồng anh Trần Văn L sinh năm 1990 và chị Lê Thị M sinh năm 1989; địa chỉ thôn 1, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Vợ chồng anh L chị M có vay Ngân hàng V, theo hợp đồng tín dụng số 1544776-NQH-140906 ngày 09/10/2014; số tiền vay là 962.000.000 đồng, thời hạn vay là 300 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên là ngày 09/10/2014; lãi suất vay tại thời điểm giải ngân là 12,6 %/ năm, được điều chỉnh định kỳ 03 tháng 01 lần biên độ 4,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; hình thức trả nợ tiền vay vào ngày 15 hằng tháng, mỗi tháng là 3.207.000 đồng và tiền lãi trả theo tháng trên nợ gốc. Mục đích vay là để hoàn tiền mua nhà đất tại thửa số 155, tờ bản đồ 7H-III-22 phố 1, phường VM, quận Đ, thành phố Hà Nội. Để đảm bảo tiền vay, vợ chồng anh L chị M có thể chấp cho Ngân hàng V tài sản của mình là 40,1 m<sup>2</sup> đất ở và tài sản là nhà ở gắn liền với đất, số thửa 155, tờ bản đồ 7H-III-22; địa chỉ tài sản tại số 30, ngõ 21, phố 1, phường VM, quận Đ, thành phố Hà Nội, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10109010221, hồ sơ gốc số

30886.2000/6840.2000.QĐUB do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 08/12/2000, ngày 06/10/2014 tại Phòng Tài nguyên và môi trường quận Đ, thành phố Hà Nội đã chuyển nhượng cho Trần Ngọc L và Lê Thị M; theo hợp đồng thế chấp số công chứng 3704/2014, quyền số 03-2014 ngày 08/10/2014 tại Văn phòng công chứng Kinh Đô.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản, vợ chồng anh L chị M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên toàn bộ dư nợ còn lại của khoản nợ trong hợp đồng tín dụng nêu trên đã bị chuyển thành nợ quá hạn. Tính đến ngày 14/06/2018 vợ chồng anh L chị M đã trả được 137.901.000 đồng tiền gốc, số tiền gốc còn nợ là 824.099.000 đồng; tiền lãi đã trả trên nợ gốc đến hết ngày 20/06/2018 là 424.212.738 đồng; số tiền lãi chưa trả tính từ ngày 21/06/2018 đến ngày 23/07/2021 là 688.345.209 đồng (trong đó lãi trong hạn là 5.782.834 đồng, lãi quá hạn là 509.259.240 đồng và tiền phạt chậm trả là 173.303.135 đồng). Tổng cộng tiền gốc, tiền lãi và tiền phạt chậm trả là 1.512.444.209 đồng (một tỷ năm trăm mười hai triệu bốn trăm bốn bốn nghìn hai trăm linh chín đồng). Anh A là người đại diện cho Ngân hàng V và vợ chồng anh L chị M thỏa thuận vợ chồng anh L chị M trả cho Ngân hàng V 1.512.444.209 đồng (trong đó tiền gốc là 824.099.000 đồng; tiền lãi và tiền phạt chậm trả là 688.345.209 đồng) và trả vào 04 kỳ như sau:

- +) Ngày 23/08/2021 trả 400.000.000 đồng
- +) Ngày 23/09/2021 trả 400.000.000 đồng
- +) Ngày 23/10/2021 trả 400.000.000 đồng
- +) ngày 23/11/2021 trả 312.444.209 đồng

Kể từ ngày tiếp theo của ngày hòa giải thành ngày 23/07/2021 vợ chồng anh L chị M tiếp tục chịu khoản tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn tiếp tục phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp vợ chồng anh L chị M không thực hiện hoặc không thực hiện đúng thỏa thuận trên; thì Ngân hàng V có quyền đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự ra quyết định và thi hành quyết định phân tài sản thế chấp là 40,1 m<sup>2</sup> đất ở và tài sản là nhà ở gắn liền với đất, số thửa 155, tờ bản đồ 7H-III-22; địa chỉ tài sản tại số 30, ngõ 21, phố 1, phường VM, quận Đ, thành phố Hà Nội, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10109010221, hồ sơ gốc số 30886.2000/6840.2000.QĐUB do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 08/12/2000, ngày 06/10/2014 tại Phòng Tài nguyên và môi trường quận Đ, thành phố Hà Nội đã chuyển nhượng cho Trần Ngọc L và Lê Thị M theo quy định của pháp luật.

## 2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Tổng số tiền vợ chồng anh L chị M phải trả cho Ngân hàng V là 1.512.444.209 đồng. Anh A đại diện cho Ngân hàng V và vợ chồng anh L chị M thỏa thuận vợ chồng anh L chị M chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là 28.686.000 đồng (hai tám triệu sáu trăm tám sáu nghìn đồng).

- Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng là 26.400.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/0002314 ngày 01/01/2021 của Chi cục Thị hành án dân sự huyện Y.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện Y;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Bùi Văn Lực**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Y-TỈNH NINH BÌNH**

Số: 01/2021/ QĐ-SCBSQĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Y, ngày 17 tháng 11 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH  
SỬA CHỮA, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH SƠ THẨM**

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH NINH BÌNH

.....

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung quyết định do nhầm lẫn về số liệu trong quyết định số 02/202/QĐST-DS ngày 02 tháng 08 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Y đã quyết định sơ thẩm vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng V; địa chỉ số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đ, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí Dũng là Chủ tịch Hội đồng quản trị VPBank.

- Người đại diện theo ủy quyền lại: Anh Bùi A; là chuyên viên xử L nợ của VPBank.

Bị đơn: Vợ chồng anh Trần Ngọc L sinh năm 1990 và chị Lê Thị M sinh năm 1989; địa chỉ thôn Phú Sơn, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

### QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung quyết định số 02/2021/QĐST-DS ngày 02 tháng 08 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Y như sau:

Tại dòng thứ 27 từ trên xuống, trang 01 của quyết định đã ghi: “Trần Văn L”

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “Trần Ngọc L”

#### ***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan thi hành án cùng cấp;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

**THẨM PHÁN**

**Bùi Văn Lực**

#### **Hướng dẫn sử dụng mẫu số 53-DS:**

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân đã xét xử sơ thẩm và ra bản án; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ban hành Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án (ví dụ: Số: 10/2017/QĐ-SCBA).

- (3) Tuy từng trường hợp mà ghi cụ thể “lỗi rõ ràng về chính tả”, “nhầm lẫn về số liệu” hoặc “tính toán sai”.
- (4) Ghi số bản án và ngày tháng năm ra bản án (ví dụ: Số:15/2017/DSST-KDTM ngày 20-4-2017).
- (5) Ghi tên Toà án nhân dân đã ra bản án đó theo cách ghi hướng dẫn tại điểm (1).
- (6) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ L giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ L giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).
- (7) Trích lại nguyên văn phần bản án phát hiện có sai sót cần sửa chữa, bổ sung.
- (8) Ghi đầy đủ nội dung cần sửa chữa, bổ sung để khắc phục sai sót.
- (9) Thẩm phán chủ tọa phiên tòa phối hợp với các Hội thẩm nhân dân là thành viên Hội đồng xét xử đã tuyên bản án đó phải ra quyết định sửa chữa, bổ sung bản án. Nếu Thẩm phán đã xét xét xử vụ án đó không còn đảm nhiệm chức vụ Thẩm phán tại Tòa án đã ra bản án đó thì Chánh án Tòa án phải thực hiện việc sửa chữa, bổ sung bản án.